

Số: /GPMT-UBND

Thái Nguyên, ngày tháng 01 năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 316/QĐ-UBND ngày 23/7/2025 của UBND tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Xét đề nghị của Trung tâm Y tế Đồng Hỷ tại Văn bản số 371/TTYT-ĐDKSNK ngày 02/10/2025 và Văn bản số 713/TTYT-ĐDKSNK ngày 22/12/2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 777/TTr-SNNMT ngày 24/12/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Trung tâm Y tế Đồng Hỷ, địa chỉ tại tổ 7, phường Linh Sơn, tỉnh Thái Nguyên được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Trung tâm Y tế Đồng Hỷ với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung về cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Trung tâm Y tế Đồng Hỷ.

1.2. Địa điểm hoạt động: Tổ 7, phường Linh Sơn, tỉnh Thái Nguyên.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập.

Quyết định số 2347/QĐ-UBND ngày 02/10/2008 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc thành lập Bệnh viện đa khoa các huyện Đại Từ, Đồng Hỷ, Phú Lương, Phú Bình, Phổ Yên, Định Hóa, Võ Nhai thuộc Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 2505/QĐ-UBND ngày 24/8/2018 của UBND tỉnh Thái Nguyên tổ chức lại Trung tâm Y tế huyện Đồng Hỷ trên cơ sở sáp nhập Trung tâm Y tế huyện Đồng Hỷ và Bệnh viện Đa khoa huyện Đồng Hỷ trực thuộc Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên; kể từ ngày 01/7/2025 là Trung tâm Y tế Đồng Hỷ thuộc Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên theo Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên. Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 739/TNG-GPHĐ ngày 01/11/2021 của Sở Y tế.

1.4. Mã số thuế: 4600203584.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khám bệnh, chữa bệnh.

1.6. Phạm vi, quy mô của cơ sở

- Diện tích sử dụng đất: 14.977,4m².

- Quy mô giường bệnh: 200 giường.

- Cơ sở có tiêu chí tương đương dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường tương đương dự án đầu tư nhóm III theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2 Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Trung tâm Y tế Đồng Hỷ

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Trung tâm Y tế Đồng Hỷ có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải, bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Giấy phép môi trường có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Y tế, UBND phường Linh Sơn và các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Sở Y tế;
- UBND phường Linh Sơn;
- Trung tâm Y tế Đồng Hỷ;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT, CNN&XD.

Manhpn/01/26_MC

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Loan

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /01/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

Gồm 03 nguồn nước thải phát sinh với tổng lưu lượng tối đa khoảng 100m³/ngày.đêm, cụ thể:

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt.

- Nguồn số 2: Nước thải từ khu giặt là.

- Nguồn số 3: Nước thải y tế phát sinh từ hoạt động khám chữa bệnh (nước rửa dụng cụ xét nghiệm, rửa dụng cụ phẫu thuật,...). Riêng nước thải xét nghiệm trực tiếp (gồm máu, dịch bệnh phẩm) được thu gom, quản lý theo chất thải y tế nguy hại.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

Gồm 01 dòng nước thải sau xử lý tại trạm xử lý nước thải (XLNT) xả ra nguồn tiếp nhận tại 01 cửa xả.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Mương thoát nước chung của khu vực nằm giáp với đường Quốc lộ 1B, thuộc tổ 7, phường Linh Sơn, tỉnh Thái Nguyên.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Mương thoát nước chung của khu vực nằm giáp với đường Quốc lộ 1B thuộc tổ 7, phường Linh Sơn, tỉnh Thái Nguyên.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 2392977,60; Y = 431885,04 (theo Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 106⁰30', múi chiếu 3⁰).

2.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất: 100m³/ngày.đêm (khoảng 4,17m³/giờ).

2.4. Phương thức xả nước thải

- Nước thải sau khi xử lý được dẫn theo đường ống ngầm PVC DN65 dài 13m dẫn về hố ga X1, sau đó nước được bơm cưỡng bức theo đường ống nhựa PVC D90 ra mương thoát nước chung của khu vực tại 1 cửa xả nằm giáp với đường Quốc lộ 1B.

- Phương thức xả: Cưỡng bức, xả mặt.

2.5. Chế độ xả nước thải: Xả gián đoạn bằng bơm đặt chế độ phao tự động, chu kỳ xả khoảng 20 phút/01 lần; thời gian xả 02 phút/lần xả.

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 28:2010/BTNMT (cột A) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế, trong đó các thông số: pH, tổng Coliform, Salmonella, Shigella và Vibrio cholera áp dụng hệ số K = 1; các thông số còn lại áp dụng hệ số K = 1,2) đến hết ngày 31/12/2031, cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6,5 - 8,5	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	36		
3	COD	mg/l	60		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	60		
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1,2		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	6		
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	36		
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	7,2		
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	12		
10	Tổng coliform	MPN/100ml	3000		
11	Salmonella	Vi khuẩn/100ml	KPH		
12	Shigella	Vi khuẩn/100ml	KPH		
13	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/100ml	KPH		

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2032, áp dụng QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột A, Bảng 1 với $F \leq 2.000\text{m}^3/\text{ngày}$, cột A, Bảng 2), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6 - 9	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	≤40		
3	COD	mg/l	≤65		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	≤40		
5	Tổng Nitơ	mg/l	≤20		
6	Tổng Phốt pho	mg/l	≤8		

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
7	Amoni	mg/l	≤ 5		
8	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/l	≤ 3		
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	≤ 5		
10	Clo dư	mg/l	≤ 1		
11	Chloroform	mg/l	$\leq 0,3$		
12	Tổng Coliform	MPN/100ml	≤ 3000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về trạm xử lý nước thải (XLNT)

Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh về trạm XLNT gồm:

- Nguồn số 01 (Nước thải sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt):

+ Nước thải xám (nước rửa tay chân, rửa sàn) từ các khu vực vệ sinh được thu gom theo đường ống UPVC D76, D90, D200 dẫn về trạm XLNT tập trung để xử lý.

+ Nước thải đen từ các khu nhà vệ sinh được thu gom xử lý sơ bộ qua 13 bể tự hoại với tổng dung tích khoảng 123m³, sau đó thu gom theo tuyến đường ống UPVC D76, D90, sau đó đầu nối vào đường ống D200 dẫn về trạm XLNT tập trung để xử lý.

- Nguồn số 02 (Nước thải từ khu giặt là): Được thu gom theo đường ống PVC D76, D90 và đầu nối với tuyến đường ống D200 dẫn về trạm XLNT tập trung để xử lý.

- Nguồn số 03 (Nước thải y tế phát sinh từ hoạt động khám chữa bệnh): Nước rửa dụng cụ xét nghiệm, rửa dụng cụ phẫu thuật,...được thu gom bằng hệ thống đường ống PVC D76, D90 và đầu nối với tuyến đường ống D200 dẫn về trạm XLNT tập trung để xử lý.

Tổng chiều dài hệ thống đường ống D200 thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh dẫn về trạm XLNT tập trung khoảng 214m, trên tuyến bố trí 13 hố ga lắng cặn. Hệ thống đường ống dẫn nước thải sau xử lý từ trạm XLNT tập trung ra hố ga X1 bằng đường ống nhựa PVC DN65 dài khoảng 13m, sau đó được bơm cưỡng bức theo đường ống nhựa PVC D90 ra mương thoát nước chung của khu vực tại 1 cửa xả nằm giáp với đường Quốc lộ 1B thuộc tổ 7 phường Linh Sơn, tỉnh Thái Nguyên.

1.2. Công trình, thiết bị XLNT

- Công trình xử lý sơ bộ: Gồm 13 bể tự hoại với tổng dung tích khoảng 123m³ (Nhà hợp khối điều trị 2 tầng 6 bể; Nhà khoa khám bệnh 5 tầng 01 bể; Nhà khoa được chung nhà kiểm soát nhiễm khuẩn 01 bể; Nhà X - Quang 01 bể; Nhà xét nghiệm 01 bể; Nhà truyền nhiễm 02 bể; Nhà làm việc hành chính 01 bể).

- Trạm XLNT tập trung: Đã xây dựng 01 trạm XLNT bằng thiết bị hợp khối KUBOTA Nhật Bản công suất 100m³/ngày.

Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại, nước thải từ khu giặt là, nước thải từ hoạt động khám chữa bệnh → Hố thu gom (có song chắn rác) → Bể tách vẩn nước thải → Bể điều hoà → Thiết bị xử lý hợp khối (Ngăn chứa đệm vi sinh → Ngăn chứa vật liệu lọc → Ngăn khử trùng) → Hố ga thu nước sau xử lý → Đường ống PVC DN65 → Hố ga X1 → Bơm → Đường ống PVC D90 → Mương thoát nước chung của khu vực nằm giáp với đường Quốc lộ 1B thuộc tổ 7 phường Linh Sơn, tỉnh Thái Nguyên. Bố trí 01 bể chứa bùn, 01 bể nén bùn, bùn thải định kỳ được hợp đồng với đơn vị có chức năng hút vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

Máy móc, thiết bị gồm: 02 bơm chìm nước thải bể điều hoà công suất 0,4kWh (0,27m³/phút/bơm hoạt động luân phiên); 02 bơm đầu ra công suất 0,4kWh (0,27m³/phút/bơm hoạt động luân phiên); 02 máy thổi khí công suất 2,2kWh và 1,5kWh... Các thiết bị đều được bố trí hoạt động luân phiên, có dự phòng; 01 quạt hút khí mùi công suất 45W, lưu lượng 310m³/h.

Hóa chất sử dụng: NaHCl loại viên được đặt trong thiết bị đựng hóa chất giúp hóa chất không bị tắc nghẽn (với liều lượng sử dụng khoảng 5g/m³).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và mục 3 Phụ lục XXVIII Phụ lục kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

1.4.1. Nguy cơ sự cố

Sự cố trạm XLNT chủ yếu là sự cố thiết bị, sự cố rò rỉ, tắc đường ống thu gom nước thải, sự cố chết vi sinh, sự cố quá tải, non tải,...

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa

- Đối với sự cố hỏng thiết bị trạm XLNT: Tuân thủ quy trình vận hành và bảo dưỡng máy móc, thiết bị; bố trí máy móc hoạt động luân phiên, dự phòng; thường xuyên theo dõi hoạt động của máy móc, thiết bị để kịp thời phòng ngừa, phát hiện, sửa chữa sự cố hỏng hóc; tập huấn cho công nhân vận hành về việc phòng ngừa, ứng phó sự cố.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống đường ống thu gom nước thải kịp thời phát hiện các nguy cơ sự cố rò rỉ, tắc đường ống để khắc phục, xử lý.

- Sự cố chết vi sinh tại tại ngăn hiếu khí: Khi vi sinh chết sẽ gây ra hiện tượng tràn bọt trên bề mặt, để phòng ngừa hiện tượng nêu trên cần vận hành thường xuyên hệ thống cấp khí và kiểm soát các nguồn nước đầu vào để vi sinh không bị sốc.

- Đối với sự cố quá tải: Trạm XLNT được thiết kế với hệ số an toàn $>1,2$ để phòng ngừa việc quá tải.

- Đối với sự cố non tải: Lưu chứa nước thải tại bể gom, điều hoà, đồng thời điều chỉnh lại lưu lượng tại hộp phân chia lưu lượng (lắp tại bể điều hoà) và lưu lượng tuần hoàn cho phù hợp với lưu lượng thực tế.

- Đối với sự cố cháy nổ: Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về phòng cháy chữa cháy; lắp đặt đầy đủ các trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ phòng cháy và chữa cháy theo quy định.

- Sự cố hoá chất: Lập biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất theo quy định; thực hiện đầy đủ các biện pháp lưu chứa, quản lý hóa chất theo quy định; tập huấn cho cán bộ, nhân viên việc tuân thủ nghiêm túc biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất theo quy định.

- Sự cố lây lan bệnh tật: Tuân thủ nội quy đảm bảo an toàn, phòng chống nhiễm khuẩn...

1.4.3. Biện pháp ứng phó sự cố

- Đối với sự cố hỏng thiết bị trạm XLNT: Vận hành luân phiên máy móc, thiết bị của trạm XLNT; kịp thời sửa chữa, thay thế các thiết bị bị sự cố, hư hỏng, đảm bảo luôn có thiết bị dự phòng, hoạt động luân phiên.

- Đối với sự cố tắc, rò rỉ đường ống: Thực hiện thông tắc các đoạn đường ống bị tắc đảm bảo nước thải được dẫn về trạm XLNT; thay thế ngay các đoạn đường ống bị rò rỉ để đảm bảo thu gom toàn bộ nước thải phát sinh về trạm XLNT.

- Sự cố chết vi sinh: Để khắc phục sự cố sẽ bổ sung vi sinh và dinh dưỡng để khôi phục hoạt động của hệ vi sinh.

- Đối với sự cố non tải: Lưu chứa nước thải tại bể gom, điều hoà, đồng thời điều chỉnh lại lưu lượng tại hộp phân chia lưu lượng (lắp tại bể điều hoà) và lưu lượng tuần hoàn cho phù hợp với lưu lượng thực tế. Khi chất lượng nước sau xử lý bị ảnh hưởng, vi sinh kém do thiếu dinh dưỡng (thiếu nước thải đầu vào) sẽ bổ sung dinh dưỡng cho vi sinh duy trì hoạt động ổn định khi xảy ra sự cố non tải.

- Đối với sự cố quá tải: Khi xảy ra sự cố sẽ khoá van xả nước thải, nước thải sẽ được lưu chứa trong các bể của trạm XLNT với tổng dung tích khoảng 100m^3 để phục vụ cho công tác sửa chữa hệ thống; trường hợp sự cố kéo dài, các bể không đảm bảo khả năng lưu chứa sẽ thuê đơn vị chức năng hút vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Đối với các sự cố cháy nổ: Thực hiện sơ tán người ra khỏi khu vực xảy ra cháy; khởi động quy trình tự cứu hỏa và ứng cứu người và tài sản; yêu cầu chỉ viện khi quy mô đám cháy vượt ra ngoài khả năng tự ứng cứu.

- Sự cố hoá chất: Sơ tán người, cô lập khu vực sự cố, tổ chức đội cứu hộ cứu nạn để tham gia cứu người và tài sản khi xảy ra sự cố.

- Sự cố lây lan dịch bệnh: Bố trí khu điều trị cách ly đối với bệnh nhân mắc bệnh truyền nhiễm, tiến hành công tác khử khuẩn, vô trùng... hạn chế lây lan dịch bệnh.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Trong thời hạn không quá 06 tháng tính từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Trạm XLNT công suất 100m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại đầu vào và đầu ra của trạm XLNT tập trung.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Trung tâm Y tế Đồng Hỷ phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý nước thải của trạm xử lý nước thải tập trung theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.6 Phần A của Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

Căn cứ khoản 5 Điều 21 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư 07/2025/TT-BTNMT, đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải (01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu nước thải đầu ra).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh của cơ sở đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả ra môi trường. Tuyệt đối không được đấu nối, xả nước thải vào hệ thống thoát nước mưa; tuyệt đối không xả nước thải chưa xử lý đạt quy chuẩn ra môi trường, không được pha loãng nước thải trước khi xả ra môi trường.

3.2. Điểm xả nước thải phải có biển cảnh báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành trạm XLNT; ghi chép, lưu giữ đầy đủ số liệu, dữ liệu theo quy định.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, vật liệu, hóa chất để vận hành thường xuyên, liên tục đảm bảo hiệu quả xử lý của trạm XLNT.

3.5. Tự chịu trách nhiệm đối với nội dung kế hoạch vận hành thử nghiệm và toàn bộ quá trình vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm của chủ đầu tư quy định tại mục 7 và mục 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

3.6. Có kế hoạch và lộ trình nâng cấp, cải tạo (trường hợp cần thiết) trạm XLNT để bảo đảm giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải khi xả thải ra nguồn nước tiếp nhận phải đáp ứng QCVN 40:2025/BTNMT (Cột A, Bảng 1 với $F \leq 2.000\text{m}^3/\text{ngày}$, Cột A, Bảng 2) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (ban hành kèm theo Thông tư số 06/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp) kể từ ngày 01/01/2032.

3.7. Dự báo tình huống có khả năng xảy ra sự cố chất thải để xây dựng kịch bản phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải phù hợp với hoạt động của dự án theo quy định tại Thông tư số 41/2025/TT-BNNMT ngày 14/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn kỹ thuật về phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự cố môi trường.

3.8. Tự theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động của trạm XLNT, kiểm soát được các thông số ô nhiễm môi trường trong nước thải; chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại mục 2.6 Phần A Phụ lục này. Trường hợp phát hiện các thông số ô nhiễm vượt quá giới hạn cho phép phải dừng ngay việc xả nước thải và thực hiện ngay các biện pháp khắc phục để xử lý triệt để ô nhiễm; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại nếu để xảy ra ô nhiễm môi trường tại khu vực.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /01/2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

Nguồn phát sinh: Gồm 03 nguồn ồn, rung, cụ thể như sau:

- Nguồn số 01: Từ hệ thống máy bơm của trạm XLNT.
- Nguồn số 02: Từ hệ thống máy thổi khí của trạm XLNT.
- Nguồn số 03: Từ máy phát điện dự phòng.

2. Tiếng ồn, độ rung

- Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung cho đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026, cụ thể như sau:

+ Tiếng ồn:

TT	Từ 6 - 21 giờ (dBA)	Từ 21 - 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	55	45	-	Khu vực đặc biệt

+ Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 - 21 giờ	Từ 21 - 6 giờ		
1	60	55	-	Khu vực đặc biệt

- Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027, đáp ứng yêu cầu quy định tại QCVN 26:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

+ Tiếng ồn:

Khu vực bị ảnh hưởng	Khoảng thời gian		
	Ngày (6h00 đến trước 18h00) (dBA)	Tối (18h00 đến trước 22h00) (dBA)	Đêm (22h00 đến trước 6h00) (dBA)
Khu vực A	50	45	40

+ Độ rung:

Khu vực bị ảnh hưởng	Khoảng thời gian	
	Ngày (6h00 đến trước 22h00) (dBA)	Đêm (22h00 đến trước 6h00) (dBA)
Khu vực A	60	55

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung: Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên

TT	Loại chất thải	Mã CTNH	Lượng phát sinh (kg/năm)
1	Chất thải y tế, lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	5.500
2	Hóa chất thải có chứa thành phần nguy hại	13 01 02	20
3	Bao bì nhựa cứng có chứa thành phần nguy hại (vỏ can bằng nhựa)	18 01 03	10
4	Các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	10
5	Pin, ắc quy thải	16 01 12	10
6	Bao bì cứng (đã chứa chất thải khi thải ra là CTNH) thải bằng các vật liệu khác (như composit)	18 01 04	500
7	Than hoạt tính thải	12 01 04	36
Tổng			6.086

1.2. Khối lượng chất thải rắn y tế thông thường

Phát sinh khoảng 145kg/ngày, thành phần chủ yếu là vỏ bao bì các loại thuốc, vỏ chai lọ không chứa thành phần nguy hại, các loại dây chuyền không dính máu ...

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt

- Phát sinh khoảng 200kg/ngày, thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, các loại chai lọ, đồ hộp, túi nilon,...

- Phát sinh khoảng 25m³ bùn từ bể tự hoại/năm; khoảng 20m³/năm bùn từ trạm XLNT tập trung.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn y tế thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

- Đối với chất thải y tế nguy hại:

+ Trang bị các loại bao bì, thùng chứa, thiết bị lưu chứa đáp ứng yêu cầu quy định tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế.

+ Trang bị 01 tủ bảo ôn chứa các loại chất thải lây nhiễm (mô, bệnh phẩm).

- Đối với chất thải nguy hại khác: Trang bị thùng chứa có nắp đậy đáp ứng yêu cầu quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (có dán biển cảnh báo, ghi rõ mã chất thải nguy hại, kí hiệu và tên từng loại chất thải nguy hại...)

2.1.2. Kho lưu chứa

- Bố trí 01 kho lưu chứa chất thải nguy hại diện tích 16m² để chứa các loại chất thải y tế nguy hại và chất thải nguy hại khác, có gắn dấu hiệu cảnh báo theo quy định. Kho được xây tường xây kiên cố, cửa kiên cố có khóa riêng, lát gạch chống thấm, có mái che, dán nhãn cảnh báo và trang bị các thiết bị, dụng cụ phòng cháy, chữa cháy... theo quy định.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng, được cấp giấy phép để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải y tế thông thường

- Trang bị các thùng chứa có nắp đậy, lưu chứa tạm thời các loại chất thải rắn y tế thông thường tại kho chứa diện tích 16m²; kho có mái che, quây tôn khung thép bao quanh, cửa có khóa. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực phát sinh, lưu chứa tạm thời tại kho chứa diện tích 16m²; hợp đồng với đơn vị có chức năng hằng ngày thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng để bơm hút, vận chuyển bùn từ các bể tự hoại, bùn từ bể chứa bùn của trạm XLNT để xử lý theo quy định (tần suất trung bình khoảng 1-2 năm/lần).

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Đối với sự cố trạm XLNT: Thực hiện theo Mục 1.4 Phần B Phụ lục 1.

4. Đối với sự cố cháy nổ: Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về phòng cháy chữa cháy.

5. Chịu trách nhiệm xử lý các vấn đề ô nhiễm môi trường sau khi xảy ra sự cố (nếu có); chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra (nếu có).

Phụ lục 4
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /01/2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện công khai Giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật.
2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn y tế thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.
3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
4. Tổ chức thực hiện, tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp; trước khi hết thời hạn giấy phép 06 tháng, phải lập hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép môi trường theo quy định tại mục 6 khoản 12 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
5. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình bảo vệ môi trường không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở theo quy định của pháp luật.
6. Lập biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất theo quy định; tuân thủ nội quy đảm bảo an toàn, phòng chống nhiễm khuẩn hạn chế lây lan dịch bệnh; thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra.
7. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.